

Số: 42 /GPMT-UBND

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 8 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 04/VTX ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex về việc chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án Vùng kho bãi và phương tiện, thiết bị phục vụ vận tải đa phương thức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4270/TTr-STNMT ngày 23/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex, địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Vùng kho bãi và phương tiện, thiết bị phục vụ vận tải đa phương thức”, địa chỉ: Phân Khu công nghiệp Sài Gòn - Dung Quất, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

a) Tên dự án đầu tư: Vùng kho bãi và phương tiện, thiết bị phục vụ vận tải đa phương thức.

b) Địa điểm hoạt động: Phân Khu công nghiệp Sài Gòn - Dung Quất, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 40400101901 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu

ngày 01/11/2010, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 26/11/2020.

d) Mã số thuế: 40400101901.

đ) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất bê tông tươi, bê tông thương phẩm.

- Cho thuê mặt bằng kho bãi, nhà xưởng để chứa hàng thiết bị, hàng siêu cường siêu trọng, container, bảo quản hàng hóa, lưu phương tiện; hình thành vùng kho bãi để kiểm hóa hàng xuất nhập khẩu cho các chủ hàng trong quá trình chưa lắp đặt (*không cho thuê với các loại hình sản xuất: Có phát sinh nước thải sản xuất, các loại hình dự án thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ có nguy cơ ô nhiễm môi trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*).

- Gia công cơ khí.

e) Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án đầu tư có tiêu chí như dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Công suất:

+ Sản xuất bê tông tươi, bê tông thương phẩm với tổng công suất là 600 m³/h (*trên phần diện tích đất bổ sung mới 30.000m²*).

+ Cho thuê mặt bằng kho bãi, nhà xưởng (*trên phần diện tích đất bổ sung mới 24.030m²*).

+ Gia công cơ khí: nội dung này chưa thực hiện, khi thực hiện đầu tư Chủ dự án phải lập hồ sơ đề nghị cấp lại/điều chỉnh giấy phép môi trường theo đúng quy định.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

a) Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

b) Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

c) Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

d) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

đ) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày ký).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, UBND huyện Bình Sơn chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Sơn tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT; PCT UBND tỉnh;
- BQL KKT DQ và các KCN Quảng Ngãi;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng;
- UBND huyện Bình Sơn;
- Cty CP Vận tải Đa phương thức Vietranstimex;
- VPUB: PCVP, TTHC, CB-TH;
- Lưu: VT, KTNak983.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .41 /GPMT-UBND ngày .14 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: 01 nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt (vệ sinh, ăn uống) của khoảng 60 cán bộ, công nhân viên.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn nước tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ ga thuộc hệ thống thoát nước thải của Phân KCN Sài Gòn - Dung Quất thuộc xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hồ ga thuộc hệ thống thoát nước thải của Phân Khu công nghiệp Sài Gòn - Dung Quất, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Tọa độ vị trí điểm xả thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°, múi chiều 3°: X=1661371; Y=504672.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 5 m³/ngày.đêm ≈ 0,208 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: xả mặt, tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả nước thải liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (K = 1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 14:2008/ BTNMT, cột B, K=1,2	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	6 tháng/lần
2	BOD ₅	mg/l	60	
3	TSS	mg/l	120	
4	Sunfua	mg/l	4,8	
5	Amoni	mg/l	12	
6	Nitrat	mg/l	60	
7	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	
8	Phosphat	mg/l	12	
9	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

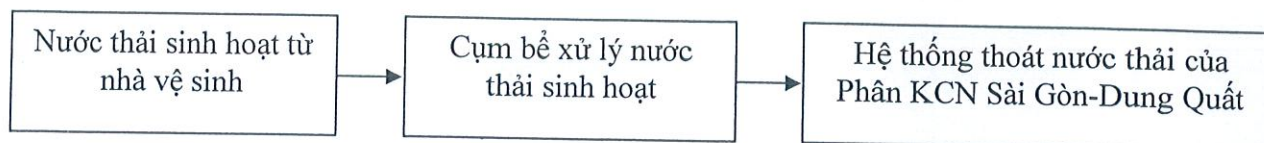
* Đối với các thông số: pH, Tổng Coliforms, sử dụng hệ số K = 1.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng cụm bể xử lý trước khi thoát ra hệ thống thoát nước thải của Phân Khu công nghiệp Sài Gòn - Dung Quất.



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải của dự án: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa phân → Ngăn kỵ khí → Ngăn xử lý hiếu khí → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Ngăn khử trùng → Nước thải đầu ra đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K = 1,2 (riêng đối với các thông số: pH, Tổng Coliforms, sử dụng hệ số K = 1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Công suất thiết kế: 5 m³/ngày.đêm (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Clorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Không có.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các ngăn xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải thực hiện vận hành và ghi chép vào sổ nhật ký vận hành hàng ngày.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Trường hợp nồng độ các thông số quan trắc nước thải không đáp ứng giới hạn tiếp nhận thì thông báo cho nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải đóng van xả nước thải sau xử lý; dừng ngay các hoạt động phát sinh ra nước thải; quay vòng (bơm) nước để xử lý lại, tìm nguyên nhân, sửa chữa và khắc phục. Sau khi đã xử lý nước thải đạt yêu cầu, tiến hành mở van xả nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Sau khi hoàn thành thi công và lắp đặt máy móc, thiết bị, không quá 06 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 5m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Hồ ga thuộc hệ thống thoát nước thải của Phân Khu công nghiệp Sài Gòn - Dung Quất, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 14:2008/ BTNMT, cột B, K=1,2
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	60
3	TSS	mg/l	120
4	Sunfua	mg/l	4,8
5	Amoni	mg/l	12
6	Nitrat	mg/l	60
7	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
8	Phosphat	mg/l	12
9	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

* Đối với các thông số: pH, Tổng Coliforms, sử dụng hệ số K = 1.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Việc quan trắc chất thải do Chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K = 1,2 - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả thải. Đối với nước phát sinh trong quá trình sản xuất của dự án được thu gom tuần hoàn, tái sử dụng, không được xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.7. Chủ dự án phải thực hiện theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀO MÔI TRƯỜNG VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .42 /GPMT-UBND ngày .24 tháng 8
năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: 03 nguồn từ quá trình sản xuất của trạm trộn bê tông:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ ống thoát khí thải tại silo chứa xi măng số 01;
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ ống thoát khí thải tại silo chứa xi măng số 02;
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ ống thoát khí thải tại silo chứa xi măng số 03.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải: 03 dòng khí thải như sau:

- Dòng số 01: Dòng khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải từ silo chứa xi măng số 01;
- Dòng số 02: Dòng khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải từ silo chứa xi măng số 02;
- Dòng số 03: Dòng khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải từ silo chứa xi măng số 03.

2.2. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí: Phân Khu công nghiệp Sài Gòn - Dung Quất, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.
- Tọa độ vị trí điểm xả thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°, múi chiều 3°:

+ Vị trí 1: Tại hệ thống lọc bụi túi vải từ silo chứa xi măng số 01: X = 1683332; Y = 548432;

+ Vị trí 2: Tại hệ thống lọc bụi túi vải từ silo chứa xi măng số 02: X = 1683335; Y = 548444;

+ Vị trí 3: Tại hệ thống lọc bụi túi vải từ silo chứa xi măng số 03: X = 1682230; Y = 548455.

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 144.000m³/h, 576.000m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả khí thải:

- Tự thoát qua ống khói được lắp đặt cao 2m có khoan lỗ lấy mẫu quan trắc môi trường và phân tán ra môi trường không khí.
- Xả thải liên tục 4/24h.

2.3.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy

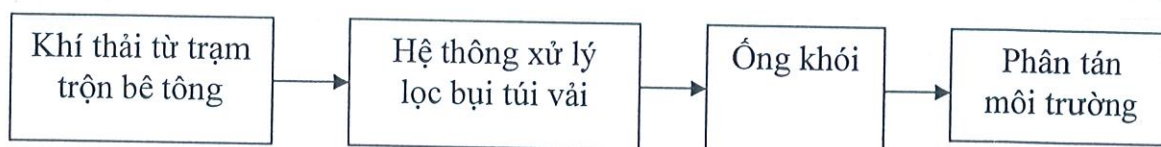
chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	6 tháng/lần
2	SO ₂	mg/Nm ³	500	
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850	
4	CO	mg/Nm ³	1.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:



1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nguồn phát sinh khí thải → Quạt hút → Thiết bị lọc bụi túi vải → Ống khói → Khí thải đầu ra đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

1.2.2. Công suất thiết kế: 144.000 m³/h.

1.2.3. Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc trường hợp quan trắc tự động liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Xây dựng và duy trì chế độ vận hành chuẩn;
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì thiết bị trong quá trình vận hành;
- Trong quá trình vận hành thử nghiệm cũng như quá trình hoạt động ổn định nếu dự án để xảy ra sự cố môi trường ảnh hưởng đến môi trường và người dân xung quanh, chủ dự án phải thực hiện khắc phục ngay sự cố và báo các sở, ban, ngành liên quan để phối hợp, xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Sau khi hoàn thành thi công và lắp đặt máy móc, thiết bị, không quá 06 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống lọc bụi túi vải từ silo chứa xi măng.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này): Trên 03 ống thoát khí của hệ thống lọc bụi túi vải từ silo xi măng số 01, 02, 03 (nguồn số 01 đến nguồn số 03).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT, $K_p=1, K_v=1$)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200
2	SO ₂	mg/Nm ³	500
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850
4	CO	mg/Nm ³	1.000

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Việc quan trắc chất thải do Chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **42** /GPMT-UBND ngày **14** tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung tại trạm trộn bê tông số 01;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung tại trạm trộn bê tông số 02;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung tại trạm trộn bê tông số 03.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí cụ thể theo tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°, múi chiều 3° như sau:

- Vị trí 1: Trạm trộn bê tông số 01: X = 1683332; Y = 548432;
- Vị trí 2: Trạm trộn bê tông số 02: X = 1683335; Y = 548444;
- Vị trí 3: Trạm trộn bê tông số 03: X = 1682230; Y = 548455.

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26/2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc và QCVN 27/2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6h (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú	Quy chuẩn so sánh
1	55	45	2 lần/năm	Khu vực đặc biệt	QCVN 26:2010/BTNMT
2	70	55		Khu vực thông thường	
3	85			-	QCVN 24:2016/BYT

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú	Quy chuẩn so sánh
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6h			
1	60	55	2 lần/năm	Khu vực đặc biệt	QCVN 27:2010/BTNMT

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú	Quy chuẩn so sánh
2	70	60		Khu vực thông thường	
3	0,086			-	QCVN 27:2016/BYT

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên kiểm tra sự cân bằng, kiểm tra độ mòn các chi tiết và thực hiện chế độ bảo dưỡng thiết bị, máy móc theo định kỳ.
- Áp dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến, lắp đặt đệm chống ồn, rung cho các máy móc nhằm hạn chế việc phát sinh tiếng ồn.
- Bố trí các dây chuyền sản xuất một cách hợp lý nhằm giảm mật độ công nhân tại các khu vực sản xuất.
- Móng máy đúc đủ khối lượng, sử dụng bê tông mác cao, tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung cho mặt nền.
- Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với thiết bị có công suất lớn.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn của các chi tiết và tra dầu bôi trơn theo định kỳ.
- Công nhân làm việc trong môi trường ồn thì phải trang bị đầy đủ các dụng cụ chống ồn như nút tai, bao tai.
- Đối với các phương tiện vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm, không vận chuyển vào các giờ cao điểm.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .41 /GPMT-UBND ngày .14 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Tên chất thải theo Danh mục chi tiết của các CTNH, CTCNPKS, CTCRNTT đính kèm TT 02/2022/TT-BTNMT	Mã chất thải	Số lượng (Kg/tháng)
1	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải (<i>dầu nhớt thải</i>)	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01 (NH)	8,3
2	Giẻ lau, găng tay dính dung môi và dầu nhớt	Chất hấp phụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01 (KS)	4,1
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06 (NH)	0,83
4	Thùng chứa dầu nhớt	Bao bì kim loại cứng (<i>đã chứa chất khí thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang</i>) thải	18 01 02 (KS)	12,5
5	Vải lọc bụi thải	Bao bì mềm (<i>đã chứa chất khí thải ra là CTNH</i>) thải	18 02 01 (KS)	4,1
	Tổng			29,83

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong giai đoạn hoạt động của dự án chủ yếu là cát, đá rơi vãi và bùn thải thu hồi từ hệ thống lắng lọc, phê phẩm,... Khối lượng phát sinh khoảng 200 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt gồm: Chất hữu cơ từ thức ăn thừa, vỏ hoa quả; giấy thải các loại; nilon thải các loại; nhựa, cao su, kim loại thải các loại và các chất trơ khác,... Tổng khối lượng khoảng 30 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* Thùng có nắp đậy và bên ngoài dán mã số CTNH.

2.1.2. *Khu vực lưu chứa:*

- Diện tích kho: 25 m² (5 x 5m).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường gạch, sàn bê tông, có mái che, có rãnh thoát nước, có các khay đựng cát để phòng ngừa trường hợp đổ tràn CTNH.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa:* Ô lưu chứa tại mỗi trạm.

2.2.2. *Khu vực lưu chứa:*

- Kích thước mỗi ô: D x R x C = 6 m x 5 m x 1 m.

- Thiết kế, cấu tạo: Tường gạch, sàn bê tông, có mái che.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa:* Các thùng chứa dung tích 120 lít, 240 lít.

2.3.2. *Khu vực lưu chứa:*

- Khu vực kho: Diện tích 3 x 5 = 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường gạch, sàn bê tông, có mái che, có rãnh thoát nước.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG:

1. Ngăn chứa chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp phụ (*như cát khô hoặc mùn cưa*) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải, sự cố cháy nổ và đảm bảo an toàn cho người lao động.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó

sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **42** /GPMT-UBND ngày **14** tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định pháp luật./.

